

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2022/DS-PT

Ngày: 27/5/2022

*“V/v tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng
Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/12/2021, 06/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp dân sự Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 481/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1959;
Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Nguyễn Thị Trúc X, sinh năm 1989; Địa chỉ: khóm B, thị trấn L, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 07/10/2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Văn H – Văn phòng Luật sư M thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950;
Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1952;
Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của các bị đơn ông T, bà H là anh Đặng Vinh Phương T, sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố S theo văn bản ủy quyền ngày 25/02/2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn là Luật sư Nguyễn Văn T – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt: chị X, anh T và Luật sư T).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Đỗ Văn H, đại diện ủy quyền chị Lê Nguyễn Thị Trúc X trình bày:

Vào ngày 22/07/2020, vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị H có đến gặp ông H để vay 500.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Để buộc ông T, bà H có trách nhiệm trả lãi hàng tháng và trả tiền vay, nên ông H có nói với ông T, bà H là hiện tại không có tiền nên phải thế chấp Ngân hàng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H mới có tiền cho ông T, bà H vay; nên ông H hẹn với ông T, bà H ngày 27/7/2020 sẽ giao tiền. Nhưng thực tế là ông H không thể chấp vay Ngân hàng để lấy tiền cho ông T, bà H vay mà ông H lấy tiền cá nhân của ông H để cho vay.

Ngày 27/7/2020 ông H đã giao 500.000.000 đồng cho ông T và bà H trực tiếp nhận. Khi nhận tiền ông T, bà H đồng ý làm Hợp đồng thế chấp tài sản cho ông H gồm:

- 01 giấy QSD đất số bìa CD1, số vào sổ CH09615 do UBND huyện L cấp ngày 06/7/2016 thửa đất 82 diện tích 617m² do hộ ông T, bà H đứng tên QSD;

- 01 giấy QSD đất số bìa BH09539, số vào sổ CHO 1039 do UBND huyện L cấp ngày 16/11/2011 thửa đất 49, diện tích 1.220m² do hộ ông T đứng tên QSD.

Nội dung Hợp đồng thế chấp tài sản mà ông T, bà H ký với ông H là hàng tháng ông T, bà H có trách nhiệm gửi tiền cho ông H để đóng lãi Ngân hàng. Nếu ông T, bà H không đóng lãi và trả nợ 500.000.000 đồng thì ông T, bà H phải giao đất và nhà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng ông T, bà H đã thế chấp cho ông H sử dụng. Nhưng từ khi vay đến nay ông T và bà H không đóng lãi và cũng không trả vốn cho ông H.

Nay ông H yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị H trả lại vốn vay 500.000.000 đồng, không tính lãi; ông H đồng ý trả lại cho ông T, bà H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông T, bà H đứng tên quyền sử dụng đất.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị H - đại diện ủy quyền anh Đặng

Vinh Phương Toàn trình bày:

Vợ chồng ông T, bà H có nợ tiền hụi của vợ ông H nhiều dây hụi, tổng số tiền là 170.000.000đồng.

Do không tiền trả nên ngày 27/7/2020 ông H gợi ý với vợ chồng ông T, bà H là ông H lấy giấy quyền sử dụng đất của ông H thế chấp cho Ngân hàng để vay 500.000.000đồng để cho ông T và bà H vay lại. Có được tiền bà H, ông T trả cho ông H 170.000.000 đồng tiền hụi còn lại 330.000.000 đồng ông T, bà H lấy làm vốn làm ăn nên ông T, bà H đồng ý.

Ngày 27/7/2020 ông H làm tờ Hợp đồng thế chấp tài sản, nội dung là ông T và bà H có thế chấp cho ông H giữ 02 giấy quyền sử dụng đất (*01 giấy quyền sử dụng đất diện tích 617m², 01 giấy quyền sử dụng đất diện tích 2.200m² do hộ ông T đứng tên*) để vay của ông H 500.000.000 đồng và ông T, bà H có trách nhiệm hàng tháng gửi tiền lãi cho ông H để trả cho Ngân hàng. Nếu ông T, bà H không đóng lãi và trả nợ gốc cho Ngân hàng thì phải giao nhà và đất cho ông H. Ông T và bà H thừa nhận có ký tên vào hợp đồng thế chấp tài sản ghi ngày 27/7/2020 và có giao 02 giấy quyền sử dụng đất nói trên cho ông H quản lý.

Tuy nhiên, sau khi ông T, bà H ký tên vào tờ Hợp đồng thế chấp tài và giao 02 giấy quyền sử dụng đất cho ông H, nhưng đến nay ông H chưa giao tiền cho ông T, bà H. Cho nên ông T, bà H không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông H.

Nay ông T, bà H yêu cầu ông H trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (01 quyền sử dụng đất số bìa CD1, số vào sổ CH09615 do UBND huyện L cấp ngày 06/7/2016 thửa đất 82, diện tích 617m² do hộ ông T, bà H đứng tên quyền sử dụng đất; 01 quyền sử dụng đất số bìa BH1, số vào sổ CH001039 do UBND huyện L cấp ngày 16/11/2011 thửa đất 49, diện tích 1.220m² do hộ ông T đứng tên QSD).

Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H đối với bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Văn T hoàn trả cho ông Đỗ Văn H vốn vay 500.000.000đồng.

Công nhận sự tự nguyện của ông H như sau: Ông H có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CD1, số vào sổ CH09615 do UBND huyện L cấp ngày 06/7/2016 cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị H đứng tên quyền sử dụng đất và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BH1, số vào sổ CH001039 do UBND huyện L cấp ngày 16/11/2011 cho hộ ông Nguyễn Văn Thuộc đứng tên quyền sử dụng đất.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H, ông T nộp 24.000.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 22/6/2021 bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn ông Đỗ Văn H, đại diện ủy quyền chị Lê Nguyễn Thị Trúc X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị H trả nợ số tiền 500.000.000đồng (không tính lãi); ông H đồng ý trả 02 giấy quyền sử dụng đất cho ông T, bà H.

+ Bị đơn ông Nguyễn Văn T; đại diện ủy quyền anh Đặng Vinh Phương T thay đổi yêu cầu kháng cáo (không đề nghị hủy án sơ thẩm), yêu cầu sửa án sơ thẩm, không đồng ý trả tiền theo yêu cầu ông H.

+ Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa 01 phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền 500.000.000đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn và ý kiến phát biểu đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Văn H là chị Lê Nguyễn Thị Trúc X xác nhận luật sư Nguyễn Văn H, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông H đã nhận văn bản mời dự phiên tòa phúc thẩm, biết ngày mở phiên tòa xét xử nhưng do luật sư H bận tham gia một phiên tòa khác nên không đến phiên tòa này. Chị X đồng ý việc vắng mặt của luật sư Hiếu và đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt Luật sư; đề nghị này của chị Xinh là phù hợp nên Tòa chấp nhận.

[2] Tại đơn kháng cáo ngày 22/6/2021 bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm, tuy nhiên tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của ông T thay đổi yêu cầu kháng cáo không đề nghị hủy án sơ thẩm, mà đề nghị sửa án sơ thẩm, ông T không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông H. Xét việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của bị đơn không vượt quá yêu cầu ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ông Nguyễn Văn T kháng cáo không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn ông Đỗ Văn H.

[3.1] Xét thấy, theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2021 (BL 10) nguyên đơn ông Đỗ Văn H cho rằng khi ông T, bà H đến hỏi vay tiền ngày 27/7/2020, do không có tiền nên ông T, bà H mượn giấy quyền sử dụng (viết tắt QSD) đất của ông để vay tiền Ngân hàng, vì là chỗ người thân trong gia đình nên ông đồng ý vay thế chấp tại Ngân hàng L số tiền 500.000.000đồng, sau khi nhận được tiền của Ngân hàng ông đã giao 500.000.000đồng cho ông T, bà H;

[3.2] Nhưng, tại Tòa án cấp sơ thẩm người đại diện ủy quyền của ông H (chị Xinh) cho rằng ông H không vay Ngân hàng mà dùng tiền cá nhân ông H để cho vợ chồng ông T, bà H vay.

[3.3] Tại biên bản đối chất ngày 04/5/2022 ông H trình bày ông đã dùng quyền sử dụng đất của mình để thế chấp vay nợ Ngân hàng từ năm 2017 đến nay, khi vay tiền Ngân hàng vào năm 2017 thì có cho ông T vay 90.000.000đồng, năm 2018 cho vay 50.000.000đồng, năm 2019 cho vay 50.000.000đồng, năm 2020 cho vay 50.000.000đồng, năm 2021 cho vay một lần 60.000.000đồng và một lần 40.000.000đồng, tiền tích lũy cho vay 160.000.000đồng. Tổng cộng 500.000.000đồng. Các lần vay tiền đều không làm giấy tờ và không ai biết.

[3.4] Xét thấy, lời trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai tại biên bản đối chất ngày 04/5/2020 của nguyên đơn ông Đỗ Văn H, lời trình bày của người đại diện ủy quyền của ông H là chị Lê Nguyễn Thị Trúc X tại phiên tòa là không thống nhất nhau. Không có tài liệu chứng cứ ông H giao tiền cho ông T, bà H nhận.

[3.5] Giữa nguyên đơn, bị đơn có ký tờ Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 27/7/2020 (BL 110, 01), nhưng nội dung hợp đồng không thể hiện có việc ông H cho vợ chồng ông T, bà H vay tiền; mà thể hiện vợ chồng ông T, bà H mượn giấy QSD đất của ông H để thế chấp vay tiền Ngân hàng và ông T, bà H thế chấp lại cho ông H 01 căn nhà và 02 giấy QSD đất do vợ chồng ông T, bà H đứng tên; đồng thời thỏa thuận nếu ông T không trả nợ Ngân hàng thì phải giao nhà và đất cho ông H.

Bản thân ông H cũng thừa nhận nội dung tờ hợp đồng thế chấp tài sản ngày 27/7/2020 ghi ông H có cho ông T, bà H mượn giấy chứng nhận QSD đất của ông H để thế chấp vay tiền Ngân hàng nhưng thực tế ông H không giao cho ông T, bà H, vì giấy QSD đất ông đã thế chấp vay nợ tại Ngân hàng từ năm 2017 đến nay.

[3.6] Bị đơn là ông T, bà H không thừa nhận, nhưng nguyên đơn không chứng minh được có giao cho bị đơn số tiền 500.000.000đồng; bản thân ông H cũng thừa nhận tại thời điểm hai bên ký tên vào Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 27/7/2020 ông H cũng không giao tiền cho ông T, bà H. Cho nên việc Tòa án

cấp sơ thẩm buộc ông T, bà H trả cho ông H số tiền 500.000.000đồng là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của ông T không đồng ý trả cho ông H số tiền 500.000.000đồng là có căn cứ nên chấp nhận, sửa 01 phần bản án sơ thẩm của Tòa án huyện L.

[4] Hiện ông H đang quản lý 02 giấy quyền sử dụng đất (bản chính) do hộ ông T đứng tên QSD đất, ông H tự nguyện giao trả 02 giấy này cho ông T; xét thấy đây là sự tự nguyện của ông H và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên tiền án phí sẽ được điều chỉnh để phù hợp với nội dung vụ án. Cụ thể, ông H phải chịu 500.000.000đồng x 5% = 24.000.000đồng. Tuy nhiên, ông H có đơn xin miễn án phí, đồng thời là người cao tuổi, là đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội nên miễn án phí đối với ông Đỗ Văn H.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí theo quy định Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa án sơ thẩm. Xét đề nghị này là phù hợp nên chấp nhận.

[9] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật và đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T; sửa án sơ thẩm, không chấp nhận ông H khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 500.000.000đồng. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021 DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Không chấp nhận ông Đỗ Văn H yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị H trả số tiền 500.000.000 đồng.

- Chấp nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Văn H trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị H 02 giấy chứng nhận QSD đất (bản chính) (Trong đó: 01 giấy QSD đất số bìa CD1, số vào sổ CH09615 do UBND huyện L cấp ngày 06/7/2016 thửa đất 82, diện tích 617m² do hộ ông T, bà H đứng tên QSD đất; 01 giấy QSD đất số bìa BH1, số vào sổ CH001039 do UBND huyện L cấp ngày 16/11/2011 thửa đất 49, diện tích 1.220m² do hộ ông T đứng tên QSD).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn H được miễn;

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND h. L;
- Chi cục THADS h. L;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (vh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh